

## CHƯƠNG 1 : CÁC THỂ LOẠI VĂN VẦN DÂN GIAN

### VÈ

- I. [GIỚI THIỆU CHUNG VỀ VÈ](#)
- II. [PHÂN LOẠI VÀ NỘI DUNG VÈ](#)
- III. [ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT CỦA VÈ](#)

### TỤC NGŨ

- I. [GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỤC NGŨ](#)
- II. [NỘI DUNG TỤC NGŨ](#)
- III. [NGHỆ THUẬT CỦA TỤC NGŨ](#)
- IV. [VỀ TỤC NGŨ MỚI](#)

### CÂU ĐÓ

- I. [GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÂU ĐÓ](#)
- II. [NỘI DUNG CÂU ĐÓ](#)
- III. [PHƯƠNG THỨC NGHỆ THUẬT](#)

### CA DAO

- I. [GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CA DAO](#)
- II. [NỘI DUNG CA DAO](#)
- III. [NGHỆ THUẬT CA DAO](#)
- IV. [VÀI NÉT VỀ BỘ PHẬN CA DAO THỜI KỲ ĐẦU TRANH CHỐNG THỰC DÂN VÀ ĐẾ QUỐC](#)

---

### **VÈ**

#### **I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ VÈ**

[TOP](#)

##### 1. Khái niệm

Trong loại tự sự dân gian Việt Nam, chủ yếu có truyện và vè. Truyện dân gian có lối kể bằng văn xuôi, có thể là văn vần. Còn vè bao giờ cũng là văn vần.

Trong Đại Nam quốc âm tự vị, vè là chuyện khen chê có ca vần, và việc sáng tác vè là đặt chuyện khen chê có ca vần. Định nghĩa này còn đơn giản, nhưng đã nêu được những đặc trưng cơ bản của vè.

Nếu ca dao là từ Hán Việt, thì vè là một từ thuần Việt. Vè là một thuật ngữ văn học dân gian có liên quan với từ vè trong văn vè. Vè là thể loại tự sự dân gian bằng văn vần, có cơ sở từ lối nói văn vè của nhân dân, chủ yếu nhằm phản ánh kịp thời và cụ thể những chuyện về người thật, việc thật ở từng địa phương, những sự kiện có ý nghĩa trong đời sống nhân dân.

Ở vè, việc xác định thể loại một số tác phẩm văn vần có phải là vè hay không, hoặc hiện tượng gọi vè lục bát là thơ là một vấn đề cần quan tâm, mặc dù việc phân định cũng không phức tạp.

Về tiến trình phát triển, về có từ bao giờ chưa thể khẳng định dứt khoát. Có thể về đã mạnh nha từ trước, nhưng chỉ phát triển thành thể loại lớn từ thế kỷ XVI, đặc biệt là thế kỷ VXII về sau, đáp ứng nhu cầu bức thiết phản ánh thực tại xã hội một cách khẩn trương, nhanh gọn và sắc bén. Đại thể, về đã nảy sinh chủ yếu trong thời kỳ phong kiến, phát triển nhất trong thời kỳ cận đại ở các thế kỷ XVIII, XIX, XX. Sự xuất hiện của về là một bước tiến mới của văn tự sự dân gian. Về xuất hiện để kể chuyện theo cách có vần có nhịp, cùng với lối kể truyện bằng văn xuôi đáp ứng đầy đủ hơn việc biểu hiện nội dung các vấn đề xã hội nhân dân muốn nêu lên.

## 2. Đặc điểm

### Tính địa phương

Về phản ánh hiện thực ở từng địa phương nhất định, bộc lộ rõ thái độ của người dân địa phương trước những sự việc, sự kiện đó. Phạm vi những người quan tâm đến sự kiện được về ghi lại, làn sóng dư luận về sự kiện ấy, sự lưu truyền bài về đều mang tính địa phương rõ nét.

Có những bài về ghi lại những sự việc, nói về nhân vật ở một địa phương nhất định, nhưng do tính chất tiêu biểu của sự việc, sự kiện, nhất là những sự kiện về lịch sử và nhân vật lịch sử, cho nên nó có thể phổ biến rộng rãi ở những địa phương khác, có khi ở phạm vi toàn quốc. Song, đặc điểm tiêu biểu của về vẫn là tính chất địa phương.

*Về Cầu Ngói Chợ Liễn, Về anh Nghị lầy o Hương, Về Năm Chơi, Về Quán Hờn ...*

### Tính thời sự

Về mang tính thời sự rõ nét. Các sự kiện trong quá khứ ít được về quan tâm. Về xuất hiện tức thời, nắm bắt nhạy bén sự việc, sự kiện, ghi nhanh, rồi truyền đi để gây dư luận.

*Về thách cưới, Về bão năm Tỵ, Về sai đạo, Về thầy Thông Chánh ...*

Về có vận mệnh ngắn ngủi. Phần lớn các bài về xuất hiện để đáp ứng việc phản ánh dư luận quần chúng trong một thời điểm nhất định, ở một địa phương nhất định. Thông thường người ta thường quên đi bài về khi sự việc được phản ánh mất đi ý nghĩa thời sự. Thay vào đó là những bài về mới hướng về những sự kiện mới.

Một đặc điểm khác, về không kể chuyện theo lối bàng quan mà bộc lộ thái độ của nhân dân trước sự việc được phản ánh. Nhân dân chế giễu tệ nạn thách cưới, thói lười nhác, khoác lác, căm ghét bọn quan lại đục khoét mặc dân tình khôn khổ, ta thán về nạn thuế khóa, phu phen, tạp dịch nặng nề, mặt khác ca tụng những thành tích xây dựng làng xã, ca ngợi những người anh hùng ... Vì vậy, về mang tính khuynh hướng rõ rệt. Về có nét giống phóng sự, ký sự, bút ký trong văn học.

## II. PHÂN LOẠI VÀ NỘI DUNG VỀ

[TOP](#)

Theo tiêu chí thể thơ, có thể chia về thành các loại: về lục bát, về nói lối...

Theo tiêu chí đề tài, nội dung phản ánh, có thể phân về thành 3 tiêu loại.

### 1. Về kể chuyện về loài vật, cây trái, sự vật

Đó là những bài về kể về các loại thổ sản, các loài vật có trong tự nhiên, những sự vật hiện tượng quen thuộc trong đời sống mà người kể muốn thể hiện sự hiểu biết, hoặc muốn giới thiệu về miền đất.

*Về chim chóc, Về trái cây, Về cá, Về rau, Về các thứ lúa ...*

*-Nghe về nghe ve,  
Nghe về chim chóc.  
Hay moi hay móc,  
Là con thằn chài.  
Lông lá thật dài,*

Là con chim phướn.  
Rành cả bốn hướng,  
Là con bò câu.  
Giống lặn thật sâu,  
Là con công cộc ...  
(Về chim chóc).

Những bài về về tôm cá rất phong phú:

-Đầu lớn chôm bôm,  
Là con tôm tít.  
Bắt người ăn thịt,  
Là con tôm hùm.  
Ăn ở bụi lùm,  
Là con tôm cỏ.  
Bắt bỏ vào trở,  
Là con tôm lươn.  
Gánh đất lấp đường,  
Là con tôm đất.  
Vô chùa lạy phật,  
Là con tôm tu ...

(Về cá tôm).

Đặc sắc phải kể đến về rắn:

-...Đựng đầy một thúng,  
Là rắn cạp nia.  
Ăn rồi ngậm nghe,  
Hỗ hành nấu cháo.  
Dữ mà nhỏ xíu,  
Vốn thiệt rắn trung ...

(Về rắn U Minh)

Ngoài ra những bài Về nói ngược, Về nói láo ... cũng thể hiện những ý nghĩa rất thiết thực.

-... Ngựa đua dưới nước,  
Tàu chạy trên đồng.  
Bảy mươi có chông,  
Mười lăm ở giá.  
Ăn trầu bằng cán,  
Hút thuốc bằng vôi.  
Giã gạo bằng nôi,  
Nấu cơm bằng cối.  
Vác đá dòn gỏi,  
Đắp nhà bằng bông,  
Làm ruộng đi không,  
Đánh bài cào vác cuốc...  
(Về nói ngược).

-...Nhà tôi có một cái nôi,  
Để ba tào gạo mà nôi còn lưng.  
Nhà tôi có một bụi gừng,

*Nhỏ lên đi bán độ chùng bốn xe.  
Nhà tôi có một cây me,  
Hái vô một trái bằng hũ ghè đựng tương ...  
(Về nói láo).*

## 2. Về thể sự (về sinh hoạt xã hội)

Khái niệm về thể sự được hiểu bao hàm ý nghĩa về sinh hoạt. Ở loại về này, bên cạnh tính thời sự, tính địa phương rất nổi bật.

Về thể sự miêu tả cụ thể, sinh động, trực tiếp đời sống nhân dân. Về xuất hiện do nhu cầu phản ánh hiện thực một cách nhạy bén và kịp thời. Tính chất người thật, việc thật thể hiện rõ rệt trong các bài về lấy đề tài ở các sự kiện thông thường của đời sống.

Về thể sự có xu hướng chung là trào phúng. Nhiều bài về đả kích những hành vi phương hại đến phong tục tập quán, đạo đức nhân dân, những hiện tượng không bình thường, những tệ trạng xã hội.

*Về thách cưới, Về chữa hoang, Về uống rượu, Về nói dóc, Về đánh bạc, Về đi bói ...  
-Thôi thôi ví lẽ ra rồi,  
Bồng thờ ra ngòi coi thử giống ai...  
(Về chữa hoang).*

Về ghi nhận thực trạng đời sống nhân dân. Loại về có giá trị hiện thực hơn cả là những bài đả kích ách thống trị của bọn thực dân, phong kiến. Từ những sự kiện cụ thể trong đời sống sinh hoạt, nhân dân đã thấy được những nguyên nhân xã hội dẫn đến cuộc sống khốn cùng. Nhìn chung, về đã miêu tả rất sinh động cuộc sống nhân dân, phản ánh hiện thực xã hội nước ta dưới ách thống trị thực dân phong kiến.

*Về bão năm Tý, Về Cầu Ngói, chợ Liễu, Về thầy cai, Về đi phu Cửa Rào...*

Ở Về Cầu Ngói, Chợ Liễu, đối tượng đả kích là bọn quan chức địa phương:

*-Kẻ đem sậy hàm,  
Người ngày sậy hó,  
Gánh đồ gông nghiêng ...  
... Làng nước xóm giếng  
Than lan khổ sở ...  
Tiền công thu vào,  
Lúa công góp lại,  
Nhưng đường sá hư,  
Chỉ là dân sửa,  
Nhưng cầu giếng lở,  
Chỉ là dân xây;  
Việc chi nỏ hay,  
Chỉ lo cúng tế,  
Tranh giành xôi thịt ...  
Miệng em vú lép,  
Bị chị bánh dầy,  
Sống mặc, chết mặc ! .*

Ở bài về Vua quan lại về tổn hại đến dân, tên chánh tổng Phù Lưu trở thành đối tượng đả kích trực diện bên cạnh bọn vua quan chuyên sách nhiễu nhân dân.

*...Bây giờ hàng tổng đáp đê,  
Vua quan lại về làm hại đến dân.  
Quan trên ích lợi nhiều phần,*

Để cho dân sự khổ thân thể này,  
Một đoàn áo thụng đến đây,  
Tập chào, tập vái, đến ngày vua ra.  
Ô tô thì đậu ngã ba,  
Dân sự thì đứng đằng xa mà nhìn.  
Quan bắt gánh đá Rú Bìn,  
Rải một mạch liền: Tà Hạ về ta.  
Roi song nó đập tuốt da,  
Nó vô tận nhà nó bắt liên miên.  
Bờ đường bắt cấm cờ liền,  
Quan hàn thì được ngân tiền vua ban.

Bài về Cải dịch y phục thể hiện thái độ bất mãn của người dân trước lệnh vua Minh Mạng:

Bước sang năm mới bình yên,  
Chiếu vua hạ truyền:  
Cải dịch y phục,  
Quan huyện đã giục,  
Lý trưởng, mục, tiên.  
Lệnh vua đã truyền.  
Bắt dân mặc cả.  
... Mai phiên chợ Trai,  
Phải mượn quần chông.  
Đã cực trong lòng,  
Lại thêm xấu hổ.  
Không đòi mô chợ,  
Ăn mặc ra ri.  
Anh bước chân ra đi,  
Không quần mà có áo ...

Bên cạnh đó là những bài về đã kích ách thống trị của thực dân:

Từ ngày có mặt thằng Tây,  
Phu phen tạp dịch ngày rày khôn thay.  
Kẻ bắt giữa ruộng cày,  
Người không cho sấm sừa.  
Chông yếu, bắt vợ,  
Cha yếu, con đi,  
Ruộng cày bỏ trắng ...

(Về đi phu Cửa Rào).

Có những bài về có tính chất khái quát nói về một loại sự việc, một loại người nhất định trong xã hội có thể phổ biến ở nhiều địa phương. Loại về này nói về nỗi khổ của tầng lớp dân nghèo. Ở những bài về này tính chất trữ tình tăng lên do lối phản ánh thực tại ít nhiều có tính chất khái quát.

... Thân tôi đi sớm về trưa,  
Vác cày vác bừa đã mõi hai vai.  
Chú thuê quan một tôi nài quan hai,  
Tôi ở với ngài đã chẵn hai năm.  
Chú thím ăn rồi bắt tôi đi năm,

## 1. Thể thơ

Ca dao sử dụng nhiều thể thơ khác nhau.

Thể lục bát gồm câu sáu, câu tám, thể thơ này rất phổ biến trong ca dao.

Thể song thất lục bát gồm hai câu bảy, câu sáu, câu tám, được sử dụng không nhiều.

Thể vãn thường gồm một câu có bốn hoặc năm chữ, rất đặc dụng trong đồng dao.

Ngoài ra ca dao cũng sử dụng hợp thể là thể thơ gồm từ bốn, năm chữ thường kết hợp với lục bát biến thể.

*-Anh nói với em,  
Như dao chém xuống đá,  
Như nhựa chém xuống đất,  
Như mật rót vào tay.  
Bây chừ anh đã nghe ai,  
Bỏ em giữa chốn thuyền chài rúa ri.*

Các thể thơ phong phú diễn tả được nhiều tư tưởng tình cảm của nhân dân.

## 2. Cấu tứ

Các kiểu cấu tứ của ca dao khá phong phú.

Cấu tứ theo lối ngẫu nhiên không có chủ đề nhất định.

*-Cái sáo mặc áo em tao,  
Làm tổ cây cà,  
Làm nhà cây chanh...*

Cấu tứ theo lối đối thoại khá phổ biến trong ca dao.

*-Bây giờ mặn mới hỏi đào,  
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa ?  
Mặn hỏi thì đào xin thưa,  
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.*

Cấu tứ theo lối phô diễn về thiên nhiên là một kiểu cấu tứ quen thuộc trong ca dao.

*-Một đàn cò trắng bay tung,  
Bên nam bên nữ ta cùng hát lên.  
-Nước chảy liu riu, lục bình trôi liú riu,  
Anh thấy em nhỏ xíu anh thương.*

## 3. Ngôn ngữ

Cách sử dụng và tổ chức ngôn ngữ ca dao rất độc đáo. Có những lời ca ca dao giản dị, cụ thể. Có những lời ca dao điêu luyện, tinh tế.

*-Nước ròng bỏ bãi xa cù,  
Gặp em hỏi thử sao từ ngời nhân ?  
-Sông Cầu nước chảy lơ thơ,  
Đôi ta thương nhớ bao giờ cho nguôi.  
-...Em ơi chua ngọt đã từng,  
Non xanh nước bạc ta đừng quên nhau.*

## 4. Thời gian và không gian nghệ thuật

Luận điểm của G. Mansep: Trong dân ca trữ tình chúng ta thấy rõ luận đề này; hãy nói cho tôi biết nhân vật trữ tình đang ở thời điểm nào, đang đứng ở đâu, tôi sẽ có thể nói điều gì đang diễn ra với nhân vật.

Thời gian nghệ thuật trong ca dao là thời gian hiện tại, lúc diễn xướng bài ca

*-Bây giờ ta gặp nhau đây,*

*Như con cá cạn gặp ngày trời mưa.  
-Ngó lên nuốt lạt mái nhà,  
bao nhiêu nuốt lạt, thương bà bấy nhiêu.*

Không gian nghệ thuật trong ca dao là không gian có tính hiện thực, xác định.

*-Cầu Tràng Tiền sáu vài mười hai nhịp,  
Em qua không kịp tội lỗi anh ơi,  
Bấy lâu ni mang tiếng chịu lời,  
Dẫu xa nhau chẳng nữa cũng tại trời mà xa.*

#### 5. Các biện pháp nghệ thuật truyền thống

So sánh, ẩn dụ, nhân hóa, chơi chữ, ngoa dụ ... là những biện pháp nghệ thuật rất tiêu biểu trong ca dao.

*-Thân em như hạt mưa rào,  
Hạt rơi xuống giếng hạt vào vườn hoa.  
-Thuyền ơi có nhớ bến chăng,  
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.  
-Bà già đi chợ cầu Đông,  
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi không.  
Thầy bói xem quẻ nói rằng,  
Lợi thì có lợi nhưng răng không còn.  
-Đêm nằm mà nghĩ gần xa,  
Trở mình nó gãy mười ba thanh giường.*

### IV. VÀI NÉT VỀ BỘ PHẬN CA DAO THỜI KỲ ĐẦU TRANH CHỐNG THỰC DÂN ĐẾ QUỐC

[TOP](#)

*.... Phần này trang chủ xin phép được cắt bỏ vì có tính cách chính trị ý hê.....(cáo lỗi cùng tác giả)*

Nghệ thuật trào phúng vẫn đậm nét hướng đến đối tượng mới: kẻ thù xâm lược, những nhân tố lạc hậu trên bước phát triển của cuộc sống mới.

Thể thơ truyền thống được sử dụng linh hoạt.

Kết cấu lối đối đáp truyền thống được sử dụng với những nhân vật trữ tình mới.

Sử dụng lại một số câu ca dao cũ có nội dung tương đồng để thể hiện sự so sánh, cảm nhận cuộc sống mới và cũ hoặc chấp vắn nối tiếp nhằm diễn đạt nội dung mới.